

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 -5-2023

V/v Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thiều Thị T, sinh năm 1972, có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1965, vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 và tại phiên tòa bà Thiều Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2003 thì sống ly thân do phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Trần Kiều M, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Thiều Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Th. Do ông bà chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông Th có địa chỉ tại ấp 10, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th nhưng ông Th vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Th theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà T và ông Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Thiều Thị T và ông Trần Văn Th là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống bà T và ông Th có một người con chung tên Trần Kiều M, sinh năm 2000 (giới tính nữ), hiện tại đã trưởng thành. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà và ông Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Bà Thiều Thị T và ông Trần Văn Th là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thiều Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10 tháng 4 năm 2023 bà T có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003518 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm